

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1124/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2019

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;
2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 530/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 410/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 247/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị T, sinh năm: 1974

Địa chỉ: 122/15/2 Đường T, tổ 4, khu phố Y, phường U, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Cao Th, sinh năm: 1973

Địa chỉ: 122/15/2 Đường T, tổ 4, khu phố Y, phường U, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Bà Đào Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân với ông Cao Th năm 1992, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn

Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống chung tại địa chỉ: 122/5/2 Đường số 11, khu phố 9, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức. Đời sống hôn nhân giữa hai bên không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính là do ông Th không lo làm ăn, tụ tập ăn nhậu, ngoại tình, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên chửi bới xúc phạm danh dự nhân phẩm bà T. Không thể chịu đựng được lối sống buông thả và ngoại tình của ông Th nên bà T đã chủ động sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Bà Đào Thị T xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Cao Th để ổn định cuộc sống. Giữ bà T và ông Cao Th có hai người con chung tên Cao Thị Thanh T, sinh ngày 21/5/1996 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động) và Cao Thanh T, sinh ngày 04/3/2003. Bà T yêu cầu sau khi ly hôn được quyền nuôi dưỡng con chung tên Cao Thanh T, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nghĩa vụ chung bà Đào Thị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(2) Bị đơn ông Cao Th xác nhận thời gian sống chung, nơi đăng ký kết hôn và thừa nhận từ năm 2014 đến nay hai bên có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Th làm ăn thất bại, gây nhiều nợ nần dẫn đến bà T xem thường, chửi bới xúc phạm nhau. Khoảng thời gian 05 năm trở lại đây ông Th đi làm về, tự nấu ăn riêng. Hai bên tuy sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm, chăm sóc hoặc chia sẻ nhau, bà T đã rút dây cáp truyền hình, khóa mật khẩu wifi không cho ông Th sử dụng. Ông Th xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tuy nhiên ông Th không đồng ý ly hôn vì. Ông Th xác nhận có hai con chung như bà T trình bày và tôn trọng sự lựa chọn của con muốn ở với ai, ông Th không tranh chấp nuôi con. Ngày 26/6/2019, ông Th có đơn yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia tài sản chung với bà Đào Thị T, tuy nhiên đã hết thời hạn thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, mà ông Th không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Ngày 11/7/2019 Tòa án ban hành thông báo số 530-3/TB-TA về việc trả lại đơn yêu cầu phản tố đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Th vắng mặt không có lý do.

(3) Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Cao Th không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mặc dù ông Th thừa nhận giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn như trình bày ở trên. Ông Th xác định chỉ đồng ý ly hôn khi bà T đồng ý chia cho ông Th số tiền 1.000.000.000 đồng. Về con chung ông Th không có tranh chấp nuôi con.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đào Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Cao Th là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn ông Cao Th đang cư trú trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57/1999, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/9/1999, có cơ sở xác định giữa bà Đào Thị T và ông Cao Th có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự. Có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông Th không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tôn trọng nhau, sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm, chia sẻ, mạnh ai nấy sống. Do vậy, mục đích hôn nhân giữa hai bên là không đạt được. Xét thấy, đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên hai bên đã chủ động sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Tình trạng hôn nhân giữa bà Đào Thị T và ông Cao Th thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do vậy yêu cầu của bà Đào Thị T được ly hôn với ông Cao Th là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào bản trích lục khai sinh số 1043/TLKS-BS ngày 08/8/2018 của Ủy ban nhân dân phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh và bản sao giấy khai sinh số 82, quyền số 01/2003 đăng ký ngày 26/3/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, cùng với sự thừa nhận của các bên đương sự. Có cơ sở xác định bà Đào Thị T và ông Cao Th có hai người con chung tên Cao Thị Thanh T, sinh ngày 21/5/1996 (đã trưởng thành và đủ khả năng lao động)

và Cao Thanh T, sinh ngày 04/3/2003. Xét thấy, ông Cao Th không có tranh chấp về việc nuôi con, do vậy yêu cầu của bà T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Cao Thanh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Đào Thị T về việc không yêu cầu ông Cao Th cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Nguyên đơn bà Đào Thị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn bà Đào Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đào Thị T được ly hôn với ông Cao Th.

- *Về con chung:* Bà Đào Thị T và ông Cao Th có hai người con chung tên Cao Thị Thanh T, sinh ngày 21/5/1996 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động và con chưa thành niên tên Cao Thanh T, sinh ngày 04/3/2003. Giao con chung tên Cao Thanh T, sinh ngày 04/3/2003 cho Bà Đào Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án để thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Đào Thị T về việc không yêu cầu ông Cao Th cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Bà Đào Thị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc Bà Đào Thị T phải nộp theo quy định, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0013492 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đào Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký tên và đóng dấu

Cao Văn Thiên